

八幡平シニア・レディース

2018年10月16日(火)

隠しネーム: **** * * * * * * * * * * 競技方法: ダブルペリア
①②③④⑤⑥⑦⑧⑨ ⑩⑪⑫⑬⑭⑮⑯⑰⑱ 打数制限: ダブルパー(PAR+2)
HDCP上 男: 40.0 女: 40.0
HDCP下 男: 0.0 女: 0.0

Table with columns: 順位, 競技者名, アウト, IN, GROSS, HDCP, NET, 順位, 競技者名, アウト, IN, GROSS, HDCP, NET. Lists player performance data for a golf tournament, including names like 藤澤 敬悦, 岩持 弘見, etc., and their scores.